

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị N1 và anh N2.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thanh N1, sinh năm 2000; Địa chỉ: Hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã A, huyện H, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Số 30a V, N, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Trần Chính N2, sinh năm 1988; Địa chỉ: Xóm T, xã A, huyện H, tỉnh Nam Định.

“Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Ngô Thanh N1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thanh N1 và anh Trần Chính N2 đăng ký kết hôn ngày 15-08-2018 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, hai người chung

sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh N2 được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình hai người không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh N2 không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống chung nặng nề. Vì vậy, hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị N1 đề nghị được ly hôn với anh N2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 21-10-2019. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Q do chị N1 nuôi dưỡng nhưng gần đây cháu Q do anh N2 nuôi dưỡng. Nay nếu ly hôn, chị N1 xin được nuôi con, không yêu cầu anh N2 cấp dưỡng tiền nuôi con. Trường hợp anh N2 cũng có nguyện vọng được nuôi con thì chị N1 cũng nhất trí và có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh N2 nếu anh N2 có đề nghị.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N1 xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Chính N2 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh N2 xác nhận lời khai của chị N1 về thời gian hai người kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân như chị N1 trình bày là đúng. Theo anh N2 nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng trong cách làm kinh tế, không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay chị N1 làm đơn xin ly hôn, anh N2 nhận thấy hai người không thể chung sống được nữa nên anh N2 nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh N2 và chị N1 có 01 con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 21-10-2019, hiện nay đang sống cùng anh N2. Nay nếu ly hôn, anh N2 có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N2 xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thanh N1 và bị đơn là anh Trần Chính N2 xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều

227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thanh N1 và anh Trần Chính N2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 15-8-2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra xích mích, hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay chị N1 xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N2 không còn nên đề nghị Tòa án xin ly hôn với anh N2. Anh N2 xác định vợ chồng không thể đoàn tụ nên nhất trí ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N1 đối với anh N2, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N1 và anh N2 là trầm trọng, hai bên đã có thời gian dài sống ly thân nhưng cả hai không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N1, cho chị Ngô Thanh N1 được ly hôn anh Trần Chính N2 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh N2 và chị N1 có 01 con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 21-10-2019, hiện nay đang sống cùng anh N2. Nay ly hôn, chị N1 có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh N2 cấp dưỡng tiền nuôi con, nhưng nếu anh N2 có nguyện vọng nuôi con thì chị N1 cũng nhất trí và tự có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh N2 nếu anh N2 có đề nghị. Anh N2 xin nhận nuôi con và không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, yêu cầu của đương sự thì thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của anh N2 và chị N1 là hoàn toàn chính đáng, hai bên đều là lao động tự do và là người khỏe mạnh, có khả năng lao động. Chị N1 xin nhận nuôi con nhưng nếu anh N2 có nguyện vọng nuôi con thì chị N1 cũng đồng ý. Anh N2 xin được nuôi dưỡng con chung và hiện nay cháu Q đang do anh N2 nuôi dưỡng, cháu được đi học đầy đủ, phát triển bình thường, đã được Ủy ban nhân dân xã A và trường mầm non xã A xác nhận nên cần chấp nhận nguyện vọng được nuôi con chung của anh N2, giao cháu Trần Như Q cho anh Trần Chính N2 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N1 và anh N2 không có tài sản chung, không vay mượn ai tài sản gì nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thanh N1 là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thanh N1 và anh Trần Chính N2.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Như Q, sinh ngày 21-10-2019 cho anh Trần Chính N2 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ngô Thanh N1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

(Hiện nay cháu Q đang sống cùng anh N2).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thanh N1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006469 ngày 03-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Ngô Thanh N1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 01 bản;
- UBND xã A: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái